

BIỆN CHỨNG CỦA TỰ DO CÁ NHÂN VỚI TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

TS NGUYỄN THANH HẢI

Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Ho Chi Minh City University of Law

Email: nthai@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Lịch sử phát triển của quan niệm về tự do cho thấy đây là một phạm trù phức tạp, bao hàm mâu thuẫn giữa quyền với trách nhiệm, giữa cái riêng và cái chung, giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của cộng đồng - nơi cá nhân hợp quần. Bài viết phân tích khuynh hướng tiếp cận phổ biến về tự do trong lịch sử trên cơ sở lý luận của triết học Marx - Lenin, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị đối với việc đảm bảo, phát huy mối quan hệ giữa tự do cá nhân với trách nhiệm xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: tự do, trách nhiệm xã hội, nhà nước pháp quyền, xã hội xã hội chủ nghĩa

Abstract

The historical development of the concept of freedom reveals its complexity, encompassing inherent contradictions between rights and responsibilities, the individual and the collective, as well as between private interests and social interests - where individuals gather. This article analyzes popular approaches to freedom based on the theoretical foundations of Marxist - Leninist philosophy, and proposes several recommendations to ensure and promote the relationship between individual freedom and social responsibility in contemporary Vietnam.

Keywords: freedom, social responsibility, rule of law state, socialism

Ngày nhận bài: 13/10/2025

Ngày duyệt đăng: 14/11/2025

1. Đạo đức – chính trị: đặc trưng của khuynh hướng tiếp cận phổ biến về tự do

Tự do (*liberty, freedom*) là một phạm trù cơ bản trong các học thuyết triết học chính trị phương Tây từ cổ đại đến nay. Về nghĩa gốc, trong tiếng Latinh, “*liber*” có nghĩa là “không bị ràng buộc”. Theo *Từ điển Tiếng Việt*, tự do là: “1. Phạm trù triết học chỉ khả năng biểu hiện ý chí, thể hiện bản sắc của mình. Tự do là cái tất yếu được nhận thức. 2. Trạng thái không bị cấm đoán, hạn chế trong hoạt động. Tự do ngôn luận. 3. Trạng thái không bị giam cầm hoặc không bị làm nô lệ”.¹ Trong lịch sử triết học, tự do thường được nhận thức trước hết như một thuộc tính bản chất, mang tính tự nhiên của con người: “Con người sinh ra với tư cách được tự do tuyệt đối và được hưởng thụ vô hạn đối với tất cả các quyền và đặc ân của luật tự nhiên một cách bình đẳng với bất cứ người nào hay nhóm người nào trên thế giới”;² “Tự do, được hiểu theo nghĩa thích đáng nhất, là không bị những cản trở từ bên ngoài – những ngăn trở có thể hạn chế khả năng thực hiện điều mà một người mong muốn, nhưng không thể tước bỏ năng lực còn lại mà lý trí và phán đoán cho phép họ sử dụng”.³

1 Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam – Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển bách khoa, 2013, tr. 1157.

2 John Locke, *Two Treatises of Government*, Cambridge University Press, 2017, tr. 323.

3 Stanley Rosen, *Triết học nhân sinh*, Nxb. Lao động, 2006, tr. 74.

Là một phạm trù lịch sử - xã hội, tự do thường được xem xét ở các góc độ khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội, cũng như lập trường, thế giới quan của các nhà tư tưởng. Có nhà tư tưởng tuyệt đối hóa tự do cá nhân, ngược lại, có người lại đề cao ý chí, tự do của xã hội. Tuy nhiên, khuynh hướng tiếp cận chủ đạo đối với phạm trù tự do vẫn là khuynh hướng tiếp cận trên phương diện đạo đức - chính trị: nhấn mạnh tự do như khả năng con người làm chủ chính mình. Cá nhân tự lựa chọn hành động phù hợp với lý trí và phẩm hạnh; xem xét tự do trong mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội. Trong đó, tự do vừa phản ánh giá trị nhân văn cá nhân, vừa là nền tảng cho trật tự và sự phát triển bền vững của cộng đồng xã hội.

Khuynh hướng trên khởi đầu từ triết học Hy Lạp cổ đại với người tiên phong là Socrates (469–399 TCN) – triết gia mở ra bước ngoặt trong lịch sử triết học phương Tây khi đặt con người vào vị trí trung tâm của thế giới quan. Socrates xem tự do là một trong bốn đức hạnh chính làm nên phẩm chất của con người: tiết độ, công bằng, can đảm, tự do, chân thật.⁴ Với quan niệm đạo đức là tri thức, Socrates đặc biệt nhấn mạnh vai trò của tri thức đối với đức hạnh nói riêng, hoạt động của con người nói chung. Tự do chân chính phải gắn với đạo đức và lý trí. Con người tự do là con người biết làm chủ chính mình dưới sự hướng dẫn của lý trí và tri thức để đạt đến cái thiện cũng như hạnh phúc; biết đặt lợi ích cá nhân trong mối quan hệ với lợi ích của cộng đồng chứ không phải hành động buông thả theo dục vọng mù quáng. Nếu con người chỉ biết hành động theo bản năng, vị kỷ thì sẽ không còn tự do mà trở thành nô lệ cho những ham muốn thấp kém của bản thân. Vì vậy, tự do tự nó cũng chính là một năng lực đạo đức làm nên phẩm hạnh và giá trị con người.

Ngay cả các trường phái triết học đề cao con người cá nhân như trường phái Khuyển nho (*Cynicism*, thế kỷ IV TCN) và phái Cyrenaics (*Cyrenaism*: chủ nghĩa khoái lạc sơ kỳ, thế kỷ IV TCN) cũng chịu ảnh hưởng bởi cách tiếp cận trên. Theo các trường phái này, tự do cá nhân có căn nguyên từ tự nhiên chứ không phải từ sự ban phát của bất kỳ chủ thể nào trong xã hội. Cá nhân phải có trách nhiệm đối với tự do của chính mình thông qua việc dùng lý trí để điều chỉnh hành vi nhằm đạt tới hạnh phúc. Tuy nhiên, cả hai trường phái này lại tuyệt đối hóa tự do cá nhân một cách cực đoan theo hai thái cực khác nhau. Khuyển nho chủ trương khổ hạnh, kêu gọi con người từ bỏ tiện nghi vật chất để đạt tới hạnh phúc đích thực; tự do là hành động thuận theo tự nhiên, giải phóng bản thân khỏi các tham vọng thấp hèn như sự ganh đua, thèm khát của cải. Phái *Cyrenaic* lại đồng nhất hạnh phúc với việc tận hưởng những khoái lạc và nhu cầu hiện thực.⁵ Họ xem sự thỏa mãn tức thời của dục vọng là thước đo tự do, từ đó xem nhẹ mọi ràng buộc chính trị, xã hội. Chính vì thế, con người cá nhân trong quan niệm của phái *Cyrenaic* rất dễ trở thành “kẻ vô tổ quốc”, thoát ly trách nhiệm đối với vận mệnh cộng đồng.

Plato (427 – 347 TCN) – một trong những học trò lỗi lạc nhất của Socrates, cũng xuất phát từ quan niệm tự do gắn với lý trí nhưng lại đặc biệt nhấn mạnh

4 Đinh Ngọc Thạch, Trịnh Đoàn Chính, *Lịch sử Triết học phương Tây*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2018, tr. 83 - 84

5 *Như trên*, tr. 90.

vai trò của nhà nước đối với tự do cá nhân. Plato quan niệm tự do không chỉ là khả năng “mỗi người được sống theo cách riêng mà mình cho là thích hợp”, mà quan trọng hơn, đó là sự hài hòa giữa đời sống cá nhân và trật tự chung của xã hội. Ông thừa nhận rằng con người, về bản tính, đều mong muốn có đời sống riêng phù hợp với năng lực và khuynh hướng cá nhân. Tuy nhiên, với thái độ phê phán sâu sắc đối với nền dân chủ Athen thời bấy giờ, Plato lo ngại tự do nếu không được định hướng, kiểm soát bởi chính quyền sẽ biến thành tự do thuần túy bản năng, tất yếu dẫn tới xung đột lợi ích với cộng đồng và phá vỡ sự ổn định của nhà nước. Chính từ nỗi lo này, ông hạ thấp giá trị của “cái tôi” cá nhân và đề cao “cái chúng ta” của cộng đồng. Theo Plato, con người chỉ có thể thực sự tự do khi họ biết đặt lợi ích riêng vào trong khuôn khổ lợi ích chung, chỉ khi có một xã hội trật tự thì cá nhân mới có môi trường sống ổn định, an toàn để phát triển. Vì vậy, trong tác phẩm *Cộng hòa*,⁶ ông xây dựng mô hình nhà nước lý tưởng – nơi mọi tầng lớp xã hội đều có vị trí, bổn phận, trách nhiệm rõ ràng. Tự do trong một xã hội có sự quản lý của chính quyền không phải là quyền tự do lựa chọn khuynh hướng phát triển hay khẳng định cá tính riêng biệt, mà là tự do sống và làm việc trong giới hạn của bổn phận và địa vị xã hội đã được sắp đặt. Nói cách khác, Plato chủ trương triệt tiêu sự đa dạng cá nhân để duy trì tính thống nhất, ổn định của xã hội, coi “tự do trong khuôn khổ pháp luật và bổn phận” là hình thức tự do cao nhất. Ông xem một nhà nước được tổ chức chặt chẽ, thống nhất theo chuẩn mực công bằng thì sẽ bảo đảm sự ổn định xã hội và theo cách gián tiếp, bảo đảm đời sống tự do cho mọi người. Chính vì gắn chặt tự do cá nhân vào sự định hướng, quản lý của nhà nước nên trong triết học chính trị của Plato, tính phong phú, sáng tạo của đời sống cá nhân đã bị triệt tiêu. Đây là điều mà về sau nhiều triết gia, đặc biệt là trong truyền thống tự do hiện đại đã phê phán và khắc phục.

Khác với quan niệm của Plato, Aristotles (384 – 322 TCN) có quan niệm khá trung dung về tự do. Ông cho rằng tự do là một phẩm chất thuộc về đức hạnh, nhân cách và gắn liền với lý trí cũng như học vấn. Theo Aristotles, con người chỉ thực sự tự do khi hành động dựa trên định hướng của lý trí; con người là “sinh vật xã hội, một loài có tính hợp quần, biết lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với chuẩn mực chung”. Vì thế, tự do được hiểu là quá trình con người biến cái hợp lý trong tư tưởng thành cái hợp lý trong hành động thực tiễn. Hành vi của con người mang tính tự do, nhưng tự do đó phải gắn với đức hạnh, bảo đảm nguyên tắc “trung dung” – tức là sự hài hòa giữa nhu cầu, lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng. Aristotles không tuyệt đối hóa lợi ích chung, mà chủ trương dung hòa giữa tự do cá nhân và lợi ích của nhà nước.⁷ Tuy nhiên, cũng như nhiều triết gia Hy Lạp cổ đại khác, Aristotles xuất phát từ thực tiễn xã hội chiếm hữu nô lệ để tiếp cận về năng lực của con người. Vì vậy, quan niệm tự do trong triết học của ông vẫn mang tính giai cấp, chỉ gắn với tầng lớp công dân tự do, chưa phản ánh được giá trị phổ quát nhân loại của phạm trù tự do.

6 Plato, *Cộng hòa*, Nxb. Thế giới, 2014.

7 Rene-A. Gauthier, *Đạo đức học của Aristote*, Nxb. Tri Thức, 2023.

Quan niệm tự do gắn với lý trí, đạo đức – tức tự do gắn với bốn phận và trách nhiệm tiếp tục được kế thừa, phát triển trong học thuyết của các nhà triết học tiêu biểu thời kỳ trung cổ như Thomas Aquinas và thời kỳ phục hưng như Alighieri Dante, Francesco Petrarca. Đến thời kỳ khai sáng, truyền thống tiếp cận tự do từ phương diện đạo đức – chính trị lần đầu được trình bày rõ ràng, sâu sắc trong triết học chính trị của John Locke (1632 - 1704) – người được xem là “cha đẻ của chủ nghĩa tự do” – đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa duy vật Anh thế kỷ XVII và là người mở đường cho phong trào Khai sáng của châu Âu cận đại.

Trong tác phẩm “Hai khảo luận về chính quyền”,⁸ John Locke khẳng định tự do là quyền tự nhiên, bẩm sinh và tất yếu của con người. Đó là trạng thái tự tồn tại và tự quyết định của mỗi cá nhân, không lệ thuộc hay bị ép buộc bởi bất kỳ ý chí hay sức mạnh cưỡng chế nào từ bên ngoài. Tuy nhiên, cá nhân chỉ thực sự cảm nhận được tự do và được hưởng đầy đủ quyền tự do khi có sự trưởng thành về lý trí, nhận thức. Ngay cả trong trạng thái tự nhiên, con người vẫn luôn hành động theo sự hướng dẫn của lý trí dưới sự chi phối của luật tự nhiên – với nền tảng là đạo đức. Nhờ đó, tự do không phải là hành động theo bản năng một cách tùy tiện, cảm tính mà là hành động theo “mệnh lệnh của đạo đức và lương tâm”. Mục đích các cá nhân thông qua khế ước xã hội, lập ra nhà nước và pháp luật là để bảo toàn tự do cho bản thân và cho cộng đồng. Vì vậy, để đảm bảo tự do không bị xâm hại thì mỗi người tất yếu phải có trách nhiệm với chính tự do của bản thân; đồng thời phải có trách nhiệm đối với cộng đồng thông qua việc chủ động kiến tạo, bảo vệ chính quyền, tuân thủ pháp luật. Quan điểm trên của John Locke có tính hợp lý và nhân bản rõ nét. Con người có lý tính và đạo đức nên động lực thúc đẩy hành động của họ trong quan hệ với đồng loại là lòng nhân ái và trách nhiệm. Vì có lý tính, cá nhân có thể nhận thức được trật tự xã hội một cách tự giác và tự nguyện tôn trọng nó chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào sự tác động hay điều chỉnh mang tính bắt buộc của pháp luật. Nói cách khác, tự do là phẩm chất đạo đức, là năng lực, nhu cầu và lợi ích cá nhân được thực hiện trên nền tảng lý trí nên tự nó đã bao hàm cả ý thức chính trị, tức là trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội và nhà nước.⁹ Cách tiếp cận của John Locke là tiền đề cho tư tưởng về tự do của các nhà triết học khác thuộc thời kỳ khai sáng và cận đại như Jean-Jacques Rousseau, Montesquieu, Immanuel Kant, W.F.Hegel, John Stuart Mill và cả các nhà tư tưởng thời kỳ hiện đại như Isaiah Berlin¹⁰ và John Rawls.¹¹

2. Quan hệ biện chứng của tự do cá nhân với trách nhiệm xã hội và ý nghĩa đối với Việt Nam hiện nay

Từ lịch sử tư tưởng và thực tiễn, chúng ta thấy tự do và trách nhiệm không tồn tại độc lập mà thống nhất biện chứng trong đời sống con người

8 John Locke, *lđđ*.

9 Nguyễn Thanh Hải, “Tự do trên nền tảng lý tính – Nét đặc sắc trong quan niệm về nhân quyền của J.Locke”, *Tạp chí thanh niên Nghiên cứu khoa học*, số 47, 2024, tr. 63 – 65.

10 Isaiah Berlin, “Two concepts of liberty”, in Henry Hardy (ed.), *Liberty*, 2nd edn, Oxford Academic, 2003, DOI: <https://doi.org/10.1093/019924989X.003.0004>

11 John Rawls, *Một lý thuyết về công lý*, Nxb. Tri thức, 2022.

và xã hội. Tự do không chỉ là quyền được lựa chọn và hành động theo ý chí cá nhân, mà còn bao hàm khả năng tự chủ, tự điều chỉnh hành vi theo lý trí và chuẩn mực xã hội. Ngược lại, trách nhiệm xã hội là biểu hiện cụ thể của tự do có ý thức. Nói cách khác, con người là một thực thể tự nhiên – xã hội, “bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”,¹² được đặc trưng bởi lý trí cùng tính nhân bản; “Tự do là sự nhận thức được cái tất yếu”,¹³ có nghĩa là con người chỉ có thể thực sự tự do khi nhận thức được các quy luật khách quan (tất yếu) của tự nhiên và xã hội. Do đó, tự do của mỗi cá nhân trong xã hội tất yếu không thể là tự do vị kỷ một cách thái quá mà phải luôn gắn chặt với trách nhiệm, nghĩa vụ đối với tập thể, cộng đồng, đất nước – nơi cá nhân hợp quần. Trong xã hội dân chủ và nhà nước pháp quyền, mỗi công dân được hưởng tự do không chỉ như một quyền tự nhiên mà còn như một trách nhiệm đạo đức – chính trị. Cá nhân phải biết sử dụng tự do của mình một cách có trách nhiệm, trong khuôn khổ pháp luật và lợi ích chung của xã hội. Trong đời sống xã hội, mối quan hệ trên được biểu hiện cụ thể qua mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. Chủ nghĩa Marx – Lenin khẳng định, lợi ích là động lực cơ bản của hoạt động con người. Lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp thúc đẩy con người hành động, còn lợi ích xã hội là điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của cộng đồng. Sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội là nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững của cá nhân và cộng đồng. “Nếu như lợi ích đúng đắn là nguyên tắc của toàn bộ đạo đức thì do đó cần ra sức làm cho lợi ích riêng của con người cá biệt phù hợp với lợi ích của toàn thể loài người.”¹⁴

Mối quan hệ biện chứng giữa quyền với trách nhiệm và nghĩa vụ, dân chủ với pháp quyền thể hiện rất rõ trong Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các điều 14, 15, 20, 21, 25, 27, 35, 39, 41, 44, 45, 46, 47: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”; “Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân”; “Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác”; “Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc”; “Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân”; “Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”; “Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”. Chủ tịch Hồ Chí Minh có quan điểm rằng quyền lợi và nghĩa vụ bao giờ cũng đi đôi với nhau; ai cũng có quyền được ăn, được mặc, được học hành, nhưng cũng phải có nghĩa vụ lao động, bảo vệ Tổ quốc và tuân theo pháp luật.¹⁵ Quan điểm này của Người phản ánh một chân lý khách quan: tự do cá nhân chỉ có ý nghĩa khi nó gắn với trách nhiệm đối với Tổ quốc và nhân dân. Do đó, khẩu

12 C. Mác – Ph. Ăngghen, *Toàn tập, Tập 3*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995, tr. 11.

13 C. Mác – Ph. Ăngghen, *Toàn tập, Tập 20*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 163, 164.

14 C. Mác – Ph. Ăngghen, *Toàn tập, Tập 2*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995, tr. 199, 200.

15 Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 4*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 187; Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 8*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 264; Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 9*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 258.

hiệu “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật” không chỉ là một yêu cầu hay mệnh lệnh mang tính bắt buộc mà là chuẩn mực đạo đức – pháp lý để bảo đảm sự cân bằng giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, giúp tự do cá nhân đạt được trạng thái thống nhất với trách nhiệm xã hội.

Sự phát triển mạnh mẽ của toàn cầu hóa và kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay đã tạo ra những thành tựu to lớn, làm thay đổi xã hội một cách chóng mặt, nhưng lại làm cho mâu thuẫn giữa tự do cá nhân với trách nhiệm xã hội ngày càng trở nên rõ nét và phức tạp hơn. Hệ quả trực tiếp của mâu thuẫn này là sự suy thoái đạo đức, lối sống và sự trỗi dậy của chủ nghĩa cá nhân. Đây là một thách thức nghiêm trọng đối với sự phát triển ổn định của các xã hội hiện đại nói chung, xã hội Việt Nam nói riêng. Toàn cầu hóa mở ra không gian rộng lớn cho sự giao lưu, hợp tác, giúp cá nhân có nhiều cơ hội phát triển, thể hiện năng lực. Tuy nhiên, chính sự mở rộng đó cũng làm gia tăng khuynh hướng cá nhân hóa, đề cao quá mức cái tôi và lợi ích riêng, khiến trách nhiệm xã hội dần bị xem nhẹ. Trong nền kinh tế thị trường, sự tác động của quy luật cạnh tranh và quy luật giá trị khiến con người dễ bị tha hóa bởi lợi ích vật chất, đánh mất chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội. Đồng thời, xung đột lợi ích giữa cá nhân và tập thể cũng bắt nguồn từ sự gia tăng bất bình đẳng xã hội, phân hóa giàu nghèo do quá trình toàn cầu hóa và sự phát triển của kinh tế thị trường đưa lại.

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, giải quyết mâu thuẫn giữa tự do cá nhân với trách nhiệm xã hội là một trong những yêu cầu cấp thiết đối với sự phát triển bền vững của xã hội Việt Nam. Thực tiễn đòi hỏi cần phải có giải pháp toàn diện, kết hợp giữa vai trò của pháp luật với giáo dục và định hướng phát triển văn hóa – xã hội. *Thứ nhất*, nhà nước cần hoàn thiện hệ thống pháp luật để tăng cường năng lực đảm bảo nhân quyền và dân quyền; hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội để tăng cường khả năng ngăn ngừa các nguy cơ lạm dụng tự do gây tổn hại đến lợi ích xã hội. *Thứ hai*, cần đẩy mạnh giáo dục pháp luật, đạo đức, lối sống nhân văn, tinh thần cộng đồng và trách nhiệm xã hội cho thế hệ trẻ – đây là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng. Hoạt động này giúp cho các cá nhân nhận thức được tính tất yếu của tự do trên nền tảng lý trí và đạo đức. Khi hiểu rằng tự do chỉ thực sự có giá trị khi gắn liền với đạo đức và trách nhiệm xã hội, mỗi cá nhân sẽ tự giác điều chỉnh hành vi của mình để thỏa mãn lợi ích riêng trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích chung mà không cần phải nhờ đến sự điều chỉnh hay kiểm chế thường xuyên của pháp luật. Vì vậy, hoạt động giáo dục đạo đức, ý thức trách nhiệm công dân cần được nhận thức như một nguyên tắc đạo đức – chính trị – xã hội khách quan, tất yếu để củng cố tính đồng thuận, đoàn kết, phát triển bền vững của xã hội. Giáo dục phải được tiến hành thường xuyên từ cấp độ gia đình đến nhà trường, xã hội với những phương pháp khác nhau, căn cứ vào đặc trưng văn hóa dân tộc cũng như điều kiện kinh tế – chính trị – xã hội cụ thể của đất nước, thời đại trong từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Kết luận

Tự do và trách nhiệm là hai mặt thống nhất trong sự phát triển cá nhân và xã hội. Tự do là động lực của sáng tạo, của khát vọng vươn lên hoàn thiện bản thân; trách nhiệm xã hội là nền tảng đạo đức bảo đảm cho cá nhân thể hiện sự tồn tại của mình như một bản thể mang tính loài với đặc trưng nhân văn, vị tha và lý trí. Con người là “tế bào của xã hội”, vì lẽ đó, tự do cá nhân là một trong những nhân tố quyết định đến khuynh hướng vận động của nhà nước và xã hội. Trong bối cảnh địa – chính trị thế giới biến động phức tạp, toàn cầu hóa, kinh tế thị trường đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống, vấn đề tăng cường nhận thức về mối quan hệ giữa tự do cá nhân với trách nhiệm xã hội và thực hiện các giải pháp để giải quyết mâu thuẫn nội tại của vấn đề trên có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển ổn định, bền vững của xã hội Việt Nam hiện đại. Đây cũng là yêu cầu khách quan của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nơi quyền và nghĩa vụ, tự do và kỷ cương, lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng được kết hợp hài hòa trong một chính thể thống nhất, hướng đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Isaiah Berlin, “Two concepts of liberty”, in Edited by Henry Hardy (ed.), *Liberty*, 2nd edn, Oxford Academic, 2003, <https://doi.org/10.1093/019924989X.003.0004>
- [2] Rene-A. Gauthier, *Đạo đức học của Aristote*, Nxb. Tri Thức, 2023 [trans: Rene-A. Gauthier, *Aristotle's Ethics*, Tri Thuc Publisher, 2023]
- [3] Nguyễn Thanh Hải, “Tự do trên nền tảng lý tính – Nét đặc sắc trong quan niệm về nhân quyền của J.Locke”, *Tạp chí thanh niên Nghiên cứu khoa học*, số 47, 2024 [trans: Nguyễn Thanh Hải, “Freedom on the Basis of Rationality – A Distinctive Feature in J. Locke’s Conception of Human Rights”, *Journal of Youth Scientific Research*, No. 47, 2024]
- [4] John Locke, *Two treatises of government*, Cambridge University Press, 2017
- [5] C. Mác – Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995 [trans: Karl Marx and Friedrich Engels, *Collected Works, Volume 2*, National Political Publisher, 1995]
- [6] C. Mác – Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1995 [trans: Karl Marx and Friedrich Engels, *Collected Works, Volume 3*, National Political Publisher, 1994]
- [7] C. Mác – Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2002 [trans: Karl Marx and Friedrich Engels, *Collected Works, Volume 20*, National Political Publisher, 2002]
- [8] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011 [trans: Hồ Chí Minh, *Collected Works, Volum 4*, National Political Publisher, 2011]
- [9] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011 [trans: Hồ Chí Minh, *Collected Works, Volum 8*, National Political Publisher, 2011]
- [10] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011 [trans: Hồ Chí Minh, *Collected Works, Volum 9*, National Political Publisher, 2011]
- [11] Plato, *Cộng hòa*, Nxb. Thế giới, 2014 [trans: Plato, *The Republic*, The Gioi Publisher, 2014]
- [12] John Rawls, *Một lý thuyết về công lý*, Nxb. Tri thức, 2022 [trans: John Rawls, *A Theory of Justice*, Tri Thuc Publisher, 2022]
- [13] Stanley Rosen, *Triết học nhân sinh*, Nxb. Lao động, 2006 [trans: Stanley Rosen, *Philosophy of Human Existence*, Labour Publisher, 2006]
- [14] Đinh Ngọc Thạch, Trịnh Doãn Chính, *Lịch sử Triết học phương Tây*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2018 [trans: Đinh Ngọc Thạch & Trịnh Doãn Chính, *History of Western Philosophy*, National Political Publisher, 2018]
- [15] Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam – Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển bách khoa, 2013 [trans: Southern Institute of Social Sciences, *Vietnamese Dictionary*, Encyclopedia Publisher, 2013]